TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 484/2026/DS-ST
Ngày: 26-3-2024
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

– ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tuấn Khương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Trí Dũng
2. Bà Trương Thị Kim Chọn

– ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Dương Minh Trường – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh

– ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Dịu Thùy – Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 3 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1207/2025/TLST-DS ngày 01 tháng 12 năm 2025 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 341/2026/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 02 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 588/2026/QĐST-DS ngày 27 tháng 02 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Quỹ trợ vốn xã viên Hợp tác xã M
Địa chỉ trụ sở: Số 52-54 đường Bùi Thị Xuân, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.
Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Huỳnh A – Chức vụ: Phó Phòng Tín dụng – Quỹ CCM
(Văn bản ủy quyền số 220/2025/CCM-GUQ ngày 22/7/2025)
(Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)

2. Bị đơn: Bà Hà Mỹ L, sinh năm: 1982
Địa chỉ: Số D14/43 ấp 11, xã H, Thành phố Hồ Chí Minh.
(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 25/7/2025 và trong quá trình giải quyết, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Huỳnh A trình bày:

Ngày 16/11/2022, Quỹ trợ vốn xã viên Hợp tác xã M – (gọi tắt là Quỹ trợ vốn xã viên) có tiến hành trợ vốn cho bà Hà Mỹ L với số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng); với phương thức trợ vốn: góp hàng tháng; thời hạn trợ vốn: 24 tháng; phí trợ vốn: 0,7%/tháng; phí hoa hồng cho Cấp liên nhiệm: 0,15%/tháng; tiết kiệm bắt buộc: 1%/tháng. Theo kế hoạch, bà L phải góp mỗi tháng là 6.100.000 đồng (Sáu triệu một trăm nghìn đồng) trong 23 tháng đầu; tháng cuối góp số tiền còn lại là 4.100.000 đồng (Bốn triệu một trăm nghìn đồng), cho đến ngày hết hạn hợp đồng là ngày 16/11/2024.

Trong quá trình góp, bà L đã không thực hiện đúng theo kế hoạch các bên đã thỏa thuận. Tính đến ngày 17/11/2023, bà Hà Mỹ L vẫn chưa hoàn trả hết số nợ cho Quỹ trợ vốn xã viên. Tổng số tiền còn nợ sau khi trừ tiết kiệm là 46.860.000 đồng (Bốn mươi sáu triệu tám trăm sáu mươi nghìn đồng); trong đó, số tiền nợ gốc là 35.950.000 đồng (Ba mươi lăm triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng) và tiền lãi là 10.910.000 đồng (Mười triệu chín trăm mười nghìn đồng).

Nay nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn bà Hà Mỹ L có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ nêu trên cho Quỹ trợ vốn xã viên.

Đối với bị đơn bà Hà Mỹ L: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập đương sự tham gia tố tụng theo quy định; nhưng bà L vắng mặt không có lý do, không thể hiện ý kiến của mình bằng bất cứ văn bản nào nên vụ án không tiến hành hòa giải được và được đưa ra xét xử công khai.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

– Về tố tụng:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định về thẩm quyền thụ lý và trong quá trình giải quyết vụ án; Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định về việc xét xử sơ thẩm vụ án và đảm bảo về thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

– Về nội dung: Căn cứ vào đơn khởi kiện, lời trình bày của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án thì xét thấy nguyên đơn Quỹ trợ vốn xã viên Hợp tác xã M và bị đơn bà Hà Mỹ L có ký hợp đồng vay vốn; do đó, việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền còn nợ là có căn cứ. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Quỹ trợ vốn xã viên Hợp tác xã M khởi kiện yêu cầu bà Hà Mỹ L trả số tiền còn nợ vay theo hợp đồng vay vốn; bị đơn hiện cư trú tại xã H, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2, 3 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của bộ luật tố tụng dân sự, luật tố tụng hành chính, luật tư pháp người chưa thành niên, luật phá sản và luật hòa giải, đối thoại tại tòa án năm 2025 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về sự có mặt của các đương sự tại phiên tòa:

Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, bị đơn bà Hà Mỹ L vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Huỳnh A có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] Căn cứ vào Đơn xin trợ vốn ngày và Danh sách nhận trợ vốn kiêm biên bản bàn giao vốn ngày 16/11/2022 thì bà Hà Mỹ L có vay của Quỹ trợ vốn xã viên số tiền là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng). Nội dung hợp đồng thể hiện sự thỏa thuận tự nguyện của các bên và không trái pháp luật nên có hiệu lực; phù hợp với các quy định tại Điều 117, Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 80 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2024 và Điều 23 của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng.

[3.2] Bị đơn bà L khi thực hiện hợp đồng đã thanh toán được một phần gốc và lãi thì vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận giữa hai bên. Tính đến ngày 17/11/2023, bà L còn nợ Quỹ trợ vốn xã viên số tiền sau khi trừ tiền tiết kiệm là 46.860.000 đồng (Bốn mươi sáu triệu tám trăm sáu mươi nghìn đồng); trong đó, số tiền nợ gốc là 35.950.000 đồng (Ba mươi lăm triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng) và tiền lãi là 10.910.000 đồng (Mười triệu chín trăm mười nghìn đồng).

Quỹ trợ vốn xã viên yêu cầu bà L thanh toán một lần toàn bộ số tiền còn nợ nêu trên là phù hợp theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 100 và Điều 103 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2024 nên Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận.

[4] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 117; Điều 335; Điều 336; khoản 1 Điều 339; Điều 342; Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Điều 80; Điều 100 và Điều 103 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2024;

Điều 26 của Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

I. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

1. Bà Hà Mỹ L có nghĩa vụ thanh toán cho Quỹ trợ vốn xã viên Hợp tác xã M số tiền còn nợ là 46.860.000 đồng (Bốn mươi sáu triệu tám trăm sáu mươi nghìn đồng); trong đó, số tiền nợ gốc là 35.950.000 đồng (Ba mươi lăm triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng) và tiền lãi là 10.910.000 đồng (Mười triệu chín trăm mười nghìn đồng).

2. Về án phí: Bà Hà Mỹ L chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.343.000 đồng (Hai triệu ba trăm bốn mươi ba nghìn đồng).

Hoàn trả lại cho Quỹ trợ vốn xã viên Hợp tác xã M số tiền 1.171.500 đồng (Một triệu một trăm bảy mươi mốt nghìn năm trăm đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0032421 ngày 29/10/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a và 9 của Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014). Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

II. Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND H. Bình Chánh;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Tuấn Khương